

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày 21-7-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bá Tiến

Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2020/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-DS ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV

Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/ UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 và Văn bản ủy quyền số 267/2020/UQ-VPB ngày 30/10/2020):

1/ Ông **Lê Ngọc T1**, chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ Miền Trung- VPBank AMC.(vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Bá T2**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC .(vắng mặt)

3/ Ông **Nguyễn Anh T3**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ngân hàng TMCP Việt Nam TV chi nhánh Đà Nẵng, tầng 4, số 112 đường P, phường N, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Vinh Tr**, sinh năm: 1963.(vắng mặt)

Bà **Lưu Thị N**, sinh năm: 1964.(vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Tổ 81 (tổ 56 mới), phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, văn bản trình bày, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam TV ông Nguyễn Anh T3 trình bày:

Ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam TV - Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ 112 đường P, thành phố Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 2528167 ngày 31/12/2014 với các nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 180.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng)

Thời hạn vay: 120 tháng

Các kỳ hạn trả nợ: Lãi và gốc trả hàng tháng vào ngày 15 của tháng.

Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình.

Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,99%/Năm. Mức lãi suất này được cố định trong 12 tháng kể từ ngày vay. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/12/2015, ngày điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/01/2016, mức điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn.

Thực hiện Hợp đồng trên Ngân hàng đã giải ngân cho ông Tr bà N toàn bộ số tiền 180.000.000 đồng theo Đề nghị giải ngân ngày 31/12/2014.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên là: Toàn bộ nhà và đất tại thửa đất số 17 tờ bản đồ số 209, địa chỉ: Tổ 31(nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N). Việc thế chấp xác định theo Hợp đồng thế chấp số 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Đà Nẵng. Đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Mặc dù thời hạn Hợp đồng chưa hết nhưng ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với VPBank. Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện, gửi thông báo đôn đốc nhưng ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ quá hạn. Vì vậy, không còn cách nào khác, Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn đối với toàn bộ các khoản nợ gốc, lãi nêu trên kể từ ngày 25/4/2020 theo thỏa thuận tại Khoản 1, Điều 6 trong Hợp đồng

tín dụng nêu trên và khởi kiện ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N ra Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng để thu hồi trước hạn đối với toàn bộ khoản nợ vay.

Quá trình vay vốn đến nay, ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi như sau:

- Gốc đã trả: 95.155.399đồng
- Lãi đã trả: 78.835.636đồng
- **Tổng cộng: 173.991.035đồng**

Tính đến ngày 21/7/2021, ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N còn nợ VPBank theo Hợp đồng tín dụng nêu trên với số tiền là:

- Nợ gốc: 84.844.601 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 2.717.330 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 16.284.061 đồng
- **Tổng nợ: 103.845.992 đồng**

Lãi trong hạn được tính từ ngày nhận nợ đến trước ngày thu hồi toàn bộ nợ trước hạn và được tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 25/4/2020. Lãi quá hạn được tính từ ngày 26/4/2020 đến thời điểm hiện tại hoặc bằng tổng lãi trừ đi lãi trong hạn.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam TV khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 20/8/2020 là **90.268.892đ** (Chín mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi hai đồng) trong đó tiền nợ gốc là **84.844.601đ**, tiền nợ lãi tính đến ngày 20/8/2020 là **5.424.291đ** và đề nghị ông Tr, bà N phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Tr, bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tuy nhiên tính đến ngày xét xử (ngày 21/7/2021) thì ông Tr, bà N còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc: **84.844.601** đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **19.001.391** đồng (nợ lãi trong hạn **2.717.330** đồng; lãi quá hạn **16.284.061** đồng); tổng cộng nợ gốc và lãi là **103.845.992** đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Tr, bà N phải thanh toán số tiền nợ nói trên cho Ngân hàng. Và buộc ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 22/7/2021 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N thanh toán hết nợ cho VPBank.

Trường hợp ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31(nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu

Thị N phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng theo quy định.

** Bị đơn ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông Tr, bà N trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông Tr, bà N vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai ngày 05 /4/2021 bà N đã trình bày ý kiến như sau:*

Vợ chồng tôi có ký Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2014 và Hợp đồng thế chấp vay vốn ngày 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 để vay tiền của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV Tôi thống nhất với nội dung của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp. Vợ chồng tôi vay tiền với mục đích vay tiêu dùng.

Tôi xác nhận hiện nay tôi còn nợ số tiền nợ gốc và lãi như yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay do làm ăn gặp khó khăn nên tôi xin Ngân hàng gia hạn thêm thời gian trả nợ gốc và lãi cho tôi. Đối với tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31(nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho vợ chồng Nguyễn Vinh Tr, Lưu Thị N thì đề nghị Tòa án cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Tr, bà N.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 429,463,466,468; 299;303 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, 474, 476, 355 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đối với ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N. Buộc ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền **103.845.992** đồng trong đó: Nợ gốc: **84.844.601đ**; Nợ lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **19.001.391** đồng (lãi trong hạn **2.717.330** đồng tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 25/4/2020; lãi quá hạn **16.284.061** đồng được tính từ ngày 26/4/2020 đến thời điểm hiện tại hoặc bằng tổng lãi trừ đi lãi trong hạn). Trường hợp ông Tr, bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31(nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho

ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N (theo Hợp đồng thế chấp số 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Đà Nẵng) theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Tr, bà N phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ ông Tr, bà N phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP Việt Nam TV khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến 20/8/2020 là **90.268.892đ** (Chín mươi triệu, hai trăm sáu mươi tám ngàn, tám trăm chín mươi hai đồng) trong đó tiền nợ gốc là **84.844.601đ**, tiền nợ lãi tính đến ngày 20/8/2020 là **5.424.291đ** và đề nghị ông Tr, bà N phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Tr, bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện cho Ngân hàng xác nhận và điều chỉnh lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà ông Tr, bà N còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam TV tính đến ngày xét xử (ngày 21/7/2021) là: Nợ gốc: **84.844.601đ**; Nợ lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **19.001.391** đồng (lãi trong hạn **2.717.330** tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 25/4/2020; lãi quá hạn **16.284.061** đồng được tính từ ngày 26/4/2020 đến thời điểm hiện tại hoặc bằng tổng lãi trừ đi lãi trong hạn). Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Tr, bà N phải trả cho Ngân hàng là: **103.845.992** đồng và buộc ông Tr, bà N phải thanh toán tiếp số tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 22/7/2021 theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Tr, bà N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông Tr, bà N không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31 (nay là tổ 56 mới), phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp

ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N theo Hợp đồng thế chấp số 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Đà Nẵng để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

HDXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N để ông Tr, bà N đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Tr, bà N vẫn cố tình không đến Tòa án theo triệu tập. Tuy nhiên, vào ngày 05/4/2021 Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà N. Theo nội dung trình bày của bà N, bà N xác nhận vợ chồng bà có vay Ngân hàng TMCP Việt Nam TV theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Bà N xác nhận có nợ gốc và lãi như Ngân hàng đã trình bày tuy nhiên do điều kiện làm ăn của ông bà hiện gặp khó khăn nên bà xin Ngân hàng cho bà thêm thời gian để trả nợ cho Ngân hàng.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 31/12/2014 ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV (Ngân hàng TMCP Việt Nam TV- Chi nhánh Đà Nẵng) theo Hợp đồng tín dụng số 2528167 ngày 31/12/2014 và Khế ước nhận nợ ngày 31/12/2014, với nội dung: Ông Nguyễn Vinh Tr và bà Lưu Thị N vay số tiền 180.000.000đ; Thời hạn vay: 120 tháng; Lãi và gốc trả hàng tháng; trả vào ngày 15 của tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất gia đình. Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng cũng đã thực hiện việc giải ngân số tiền 180.000.000đ cho ông Tr và bà N theo Đề nghị giải ngân ngày 31/12/2014.

Theo thỏa thuận hợp đồng, mức lãi suất thỏa thuận trong hạn tại thời điểm giải ngân: 10,99%/Năm. Mức lãi suất này được cố định trong 12 tháng kể từ ngày vay. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/12/2015, ngày điều chỉnh tiếp theo là ngày 01/01/2016, mức điều chỉnh bằng: Lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% nợ trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31 (nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Tr, bà N mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV được tổng cộng số tiền **173.991.035đ** trong đó số tiền nợ gốc là: **95.155.399đ**; nợ lãi là: **78.835.636đ**.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam TV xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi của ông Tr, bà N tính đến ngày xét xử (ngày 21/7/2021) mà Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Tr bà N phải trả là: Nợ gốc: **84.844.601đ**; Nợ lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **19.001.391đ** (lãi trong hạn **2.717.330đ** tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 25/4/2020; lãi quá hạn **16.284.061đ** được tính từ ngày 26/4/2020 đến thời điểm hiện tại hoặc bằng tổng lãi trừ đi lãi trong hạn); Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Tr bà N phải trả cho Ngân hàng là: **103.845.992đ**.

HĐXX thấy: Do ông Tr, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết nên việc Ngân hàng TMCP Việt Nam TV chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với ông Tr bà N và khởi kiện để yêu cầu ông Tr bà N thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với thỏa thuận đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam TV với ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N và thể hiện tại Điều 2; Điều 6; Điều 7 Mục II của Bản Điều Khoản và Điều Kiện về sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và vay tiêu dùng cá nhân kèm theo Hợp đồng tín dụng số 2528167 ngày 31/12/2014.

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến của bị đơn. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV, buộc ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền **103.845.992đ** trong đó: Nợ gốc: **84.844.601đ**; Nợ lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **19.001.391đ** (lãi trong hạn **2.717.330đ** tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 25/4/2020; lãi quá hạn **16.284.061đ** được tính từ ngày 26/4/2020 đến thời điểm hiện tại hoặc bằng tổng lãi trừ đi lãi trong hạn) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với yêu cầu xin cho thêm thời gian để trả nợ cho Ngân hàng của bà N không được Ngân hàng đồng ý nên HĐXX không có cơ sở xem xét được.

Trong trường hợp ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV thì Ngân hàng đề nghị xử lý đối với tài sản ông Tr, bà N đã thế chấp là có cơ sở. Do vậy, HĐXX thấy cần tuyên trong trường hợp ông Tr, bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31 (nay là tổ 56 mới), phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N (theo Hợp đồng thế chấp số 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Đà Nẵng) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 để đảm bảo thi hành án.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N cùng phải chịu là **5.192.299đ**.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm **2.256.722đ** cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV.

[2.6] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ **3.000.000đ** (đã nộp, đã chi) ông Tr bà N cùng phải chịu. Do Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Tr bà N có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền 3.000.000đ.

[2.7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Căn cứ quy định tại Điều 429, 463, 466, 468; 299, 303 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, 474, 476, 355 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đối với ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N. Buộc ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N phải trả cho Ngân hàng số tiền **103.845.992đ** trong đó: Nợ gốc: **84.844.601đ**; Nợ lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **19.001.391** đồng (lãi trong hạn **2.717.330đ** tính từ ngày 31/12/2014 đến ngày 25/4/2020; lãi quá hạn **16.284.061đ** được tính từ ngày 26/4/2020 đến thời điểm hiện tại hoặc bằng tổng lãi trừ đi lãi trong hạn). Trường hợp ông Tr, bà N không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31(nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N (theo Hợp đồng thế chấp số 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Đà Nẵng) theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Tr, bà N phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV . Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 3.000.000đ ông Tr, bà N phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:* - Điều 471, 474, 476, 355 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470, 299, 303 Bộ luật Dân sự 2015.
- Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đối với ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1/ Xử: Buộc ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/7/2021 là **103.845.992đ** (Một trăm lẻ ba triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn, chín trăm chín mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc **84.844.601đ**, nợ lãi tính đến ngày xét xử 21/7/2021 là **19.001.391đ**.

Kể từ ngày 22/7/2021, ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2528167 ngày 31/12/2014 được ký kết giữa ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N với Ngân hàng TMCP Việt Nam TV (Ngân hàng TMCP Việt Nam TV- Chi nhánh Đà Nẵng) cho đến khi ông Tr bà N thanh toán xong khoản nợ gốc.

2/Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng thì tài sản thế chấp là nhà và đất thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 209 tọa lạc tại tổ 31 (nay là tổ 56 mới), phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 696723 do UBND quận Ngũ Hành Sơn cấp ngày 21/3/2011 cho ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N (theo Hợp đồng thế chấp số 7512/HĐ-TCTS ký ngày 05/6/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, thành phố Đà Nẵng) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 299, điều 303 Bộ luật dân sự năm 2015 để đảm bảo thi hành án.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **5.192.299** (Năm triệu, một trăm chín mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm **2.256.722đ** (Hai triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, bảy trăm hai mươi hai đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0007115 ngày 08/12/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

III/ Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ **3.000.000đ** (đã nộp, đã chi) ông Tr bà N cùng phải chịu. Do Ngân hàng TMCP Việt Nam TV đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông Tr bà N có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam TV số tiền 3.000.000đ.

IV. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông Nguyễn Vinh Tr, bà Lưu Thị N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga